

Số: 65 /2023/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ
phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2024-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ Phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030;

Theo Tờ trình số 3839/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2024 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2024-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông nghiệp, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

Điều 3. Nguồn kinh phí, nguyên tắc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện dự án phát triển sản xuất giống

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn ngân sách chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) của địa phương bố trí cho dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc giao cho cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện;

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn khác để thực hiện dự án phát triển sản xuất giống;

c) Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất giống.

2. Nguyên tắc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện dự án phát triển sản xuất giống

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí Chương trình cấp tỉnh và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã lập dự toán kinh phí Chương trình theo phân cấp ngân sách và tổng hợp chung cùng thời điểm xây dựng dự toán, gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định;

b) Ngân sách cấp huyện đảm bảo kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện phạm vi cấp huyện: Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án, trường hợp dự án phát triển sản xuất giống cấp huyện nhưng có mức hỗ trợ trên 05 tỷ đồng thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và trình hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt;

c) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành khác cấp tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện phạm vi cấp tỉnh: Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án;

d) Dự án phát triển sản xuất giống chưa nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nội dung ngân sách địa phương hỗ trợ

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện dự án phát triển sản xuất giống, gồm:

a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới: Hỗ trợ cho đơn vị nhập nội, mua bản quyền dòng/giống mới đối với cây nông, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản ngắn ngày (hoặc hằng năm) mà trong nước chưa có hoặc còn thiếu;

b) Bình tuyển cây đầu dòng, cây trội: Hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, cây trội. Cây đầu dòng, cây trội sau khi được cấp có thẩm quyền công nhận phải được bàn giao cho các chủ sở hữu quản lý, khai thác phục vụ nhân giống;

c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống: Hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân chăm sóc rừng giống trồng, vườn giống, vườn cây đầu dòng hoặc tương đương (tùy từng loại cây trồng có cách gọi khác nhau); đối với cây nông nghiệp hằng năm, gồm cả chi phí trồng mới;

d) Nhập nội, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống: Hỗ trợ cho đơn vị nhập nội công nghệ sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản theo giá trị chuyển nhượng bản quyền; hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp và giống thủy sản;

đ) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ sản xuất giống: Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước và nước ngoài cho công chức, viên chức làm công tác quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống; người lao động trực tiếp tham gia thực hiện các nội dung của dự án giống;

e) Quản lý chất lượng giống: Hỗ trợ cho các đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu về giống; ứng dụng công nghệ thông tin quản lý giống; kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống; thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật về giống; đào tạo, tập huấn ngắn hạn về quản lý giống; tuyên truyền sử dụng giống mới, giống đúng tiêu chuẩn chất lượng.

2. Hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện dự án phát triển sản xuất giống, gồm:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng;

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ;

c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống, chi phí nhân công thu hái hạt giống từ cây trội, rừng giống trồng, vườn giống để sản xuất cây giống; hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô; chi phí nhân công thu hái hạt giống từ cây trội, rừng giống trồng, vườn giống để sản xuất cây giống;

d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống bố mẹ; sản xuất giống thủy sản sạch bệnh.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án sản xuất giống.

4. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

Điều 5. Nội dung chi, định mức chi

1. Hỗ trợ đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án sản xuất giống

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại số thứ tự thứ 3 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật; phụ cấp tiền ăn, chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan;

d) Chi hỗ trợ tài liệu học, nơi ở, tiền ăn, tiền đi lại cho học viên:

Tài liệu học, nơi ở cho học viên: Học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND;

Tiền ăn, tiền đi lại: Học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định điểm a khoản 8 Điều 5 của

Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

2. Hỗ trợ giá nhân công sản xuất giống

a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% thù lao cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh Tây Ninh;

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm